TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh T;

2. Ông Nguyễn Văn Khanh;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 850/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Anh T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn anh Trương Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim D tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong kinh tế, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ năm 2012 đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh T có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị D vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Anh Trương Thanh T và chị Nguyễn Thị Kim D kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M ngày 29/8/2002 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không chia sẽ được với nhau, chị D mâu thuẫn với gia đình bên chồng và ly thân từ năm 2012. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, anh T yêu cầu ly hôn với chị D, chị D không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh T yêu cầu xin ly hôn với chị D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Anh T đối với chị Nguyễn Thị Kim D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trương Anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D, chị D có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Trương Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng chị D vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị D là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh T trình

bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong kinh tế gia đình, đến năm 2012 thì không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh T yêu cầu ly hôn và triệu tập chị D tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị D vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị D đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh T xác định, vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Anh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Anh T đối với chị Nguyễn Thị Kim D.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80, ngày 29 tháng 8 năm 2002 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh Trương Anh T và chị Nguyễn Thị Kim D không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc anh Trương Anh T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì anh Trương Anh T và chị Nguyễn Thị Kim D phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Trương Anh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007616 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09/12/2019. Anh T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình